

Số: /PA-BQL

Ninh Thuận, ngày tháng 01 năm 2022

## **PHƯƠNG ÁN**

### **Điều chỉnh, bổ sung khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

#### **PHẦN I: SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN**

##### **I. Sự cần thiết**

Ban quản lý Khai thác các cảng cá Ninh Thuận là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước đây là Ban quản lý Khai thác các công trình thủy sản tỉnh Ninh Thuận đổi tên thành Ban quản lý Khai thác các cảng cá tại Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 30/01/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khai thác các cảng cá được quy định tại Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ;

Hiện nay Ban quản lý Khai thác các cảng cá đang quản lý 04 cảng cá và Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá gồm:

- Cảng cá Đông Hải (thành phố Phan Rang Tháp Chàm)
- Cảng cá Cà Ná và Cảng cá Cà Ná mở rộng (huyện Thuận Nam)
- Cảng Ninh Chữ và Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải)
- Cảng cá Mỹ Tân (xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải).

Việc quan tâm đúng mức công tác quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng các cảng, bến cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (sau đây gọi tắt là Cảng cá) có ý nghĩa hết sức quan trọng: Khai thác có hiệu quả nguồn vốn Nhà nước đã đầu tư các công trình cảng cá, đồng thời góp phần đáng kể để bà con ngư dân an tâm vươn ra khơi xa, bám biển khai thác một cách có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và giữ gìn an ninh, chủ quyền biển đảo quốc gia.

Để đưa hệ thống công trình cảng cá khai thác ngày càng hiệu quả, đồng thời huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân sử dụng công trình cảng trong công tác quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các công trình cảng cá, từ năm 2017 khi Luật phí và lệ phí có hiệu lực, phí sử dụng cảng cá được chuyển thành giá dịch vụ sử dụng cảng cá theo quy định của Luật giá do Nhà nước định giá. Lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP đến năm 2016 phải tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp và đến năm 2020 phải được tính đủ chi phí;

Căn cứ các quy định của pháp luật Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết

định số 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Trên cơ sở đó Ban quản lý khai thác các cảng cá ban hành Quyết định số 75/QĐ-BQL ngày 07/11/2017 của Ban Quản lý Khai thác các cảng cá về việc Quy định mức giá dịch vụ sử dụng cảng cá tại các cảng cá Đông Hải, Cà Ná, Ninh Chữ và Mỹ Tân để triển khai thực hiện;

Tuy nhiên đến nay căn cứ pháp lý đã thay đổi và tình hình thực tế phát sinh mới, cụ thể:

1. Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh ban hành theo căn cứ pháp lý là Nghị định số 80/2012/NĐ-CP ngày 08/10/2012 của Chính phủ về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. Nay Nghị định số 80/2012/NĐ-CP đã được thay thế bởi Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. Do đó Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 không còn bảo đảm tính pháp lý.

Đồng thời căn cứ Luật Thủy sản 2017 và Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 thì đối tượng tàu cá cập cảng được tính theo mét dài, không còn tính theo công suất.

2. Giá dịch vụ sử dụng cảng cá được xác định theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 /02/2015) Quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5. Lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: "Đến hết năm 2021, cơ bản hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định, chi phí khác theo quy định của pháp luật về giá)..."

3. Hiện nay còn một số dịch vụ sử dụng cảng cá phát sinh thực tế chưa được quy định tại Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017, cụ thể:

- Chưa quy định hình thức khoán (khi có nhu cầu) đối với phương tiện vận tải và hàng hoá qua cảng cho các tổ chức cá nhân thuê cơ sở hạ tầng để xây dựng nhà máy chế biến và dịch vụ hậu cần (nước đá, xăng dầu...)

- Giá trị tài sản là các công trình gồm có: mái che cầu cảng, nhà phân loại sản phẩm sau khai thác, nhà vá lưới, sửa chữa ngư lưới cụ ..... sau khi Dự án CRSD đầu tư xây dựng và được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho đơn vị sử dụng nhưng chưa được đưa vào để tính giá dịch vụ sử dụng cảng cá .

Do đó việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận là hết sức cần thiết, đồng thời bảo đảm nguồn kinh phí đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên của Ban quản lý Khai thác các cảng cá.

## **II. Căn cứ pháp lý**

Luật giá ngày 20/6/2012;

Luật Thuỷ sản ngày 21/11/2017;

Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuỷ sản;

Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá dịch vụ;

Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Thông tư 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;

Công văn số 12425/BTC-QLG ngày 07/9/2016 của Bộ Tài chính Về việc xây dựng, thẩm định và ban hành giá dịch vụ quy định tại Luật phí và lệ phí;

Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khai thác các cảng cá trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Quyết định 2057/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2021 cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Văn bản số 4524/VPUB-KTTH ngày 02/11/2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tham mưu điều chỉnh, bổ sung khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh;

Văn bản số 4042/SNNPTNT-KH ngày 05/11/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tham mưu khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh.

Văn bản số 31/SNNPTNT-KH ngày 06/01/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Phương án điều chỉnh, bổ sung khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh.

### III. Thực trạng quản lý, khai thác hiện nay

#### 1. Các khoản thu hiện đang áp dụng tại các cảng cá:

Căn cứ Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Ban quản lý khai thác các cảng cá ban hành Quyết định số 75/QĐ-BQL ngày 07/11/2017 Quy định mức giá dịch vụ sử dụng cảng cá tại các cảng cá Đông Hải, Cà Ná, Ninh Chữ và Mỹ Tân để triển khai thực hiện.

#### 2. Mức thu

Số tt	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Khung giá
<b>I</b>	<b>Tàu thuyền, phương tiện vận tải</b>		
<b>1</b>	<b>Đối với tàu thuyền đánh cá cập cảng</b>		
	- Công suất dưới 20 CV		8.000 - 10.000
	- Công suất từ 20 CV đến 50 CV		18.000 - 20.000
	- Công suất trên 50 CV đến 90 CV		35.000 - 40.000
	- Công suất trên 90 CV đến 200 CV		55.000 - 60.000
	- Công suất trên 200 CV		90.000 - 100.000
<b>2</b>	<b>Đối với tàu thuyền vận tải cập cảng</b>		
	- Trọng tải dưới 5 tấn		18.000 - 20.000
	- Trọng tải từ 5 đến 10 tấn		35.000 - 40.000
	- Trọng tải trên 10 đến 100 tấn	đồng/lần vào ra cảng	90.000 - 100.000
	- Trọng tải trên 100 tấn		145.000 - 160.000
<b>3</b>	<b>Đối với phương tiện vận tải</b>		
	- Xe máy, xích lô, ba gác chở hàng:		1.800 - 2.000
	- Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn (kể cả xe khách dưới 15 chỗ ngồi):		8.000 - 10.000
	- Phương tiện có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn (kể cả xe khách trên 15 chỗ ngồi):		18.000 - 20.000
	- Phương tiện có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn		25.000 - 30.000
	- Phương tiện có trọng tải trên 5 đến 10 tấn		35.000 - 40.000
	- Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn		45.000 - 50.000
<b>II</b>	<b>Đối với hàng hoá qua cảng</b>		
	- Hàng thủy sản, động vật tươi sống	đồng/tấn	18.000 - 20.000
	- Hàng hoá là Container (không chứa hàng)	đồng/container	65.000 - 70.000
	- Các loại hàng hoá khác	đồng/tấn	7.000 - 8.000
<b>III</b>	<b>Sử dụng mặt nước để sản xuất kinh doanh</b>		
		đồng/m <sup>2</sup> /ngày	1.000 - 1.500
		đồng/m <sup>2</sup> /tháng	10.000 - 12.000
		đồng/m <sup>2</sup> /năm	35.000 - 37.000
<b>IV</b>	<b>Thuê cơ sở hạ tầng</b>		
1	Sử dụng kiốt	đồng/m <sup>2</sup> /năm	280.000 - 300.000

2	Các vị trí có xây dựng mái che	đồng/m <sup>2</sup> /ngày	4.000 - 5.000
		đồng/m <sup>2</sup> /tháng	60.000 - 65.000
		đồng/m <sup>2</sup> /năm	150.000 - 160.000
3	Các vị trí không xây dựng mái che		
	- Sử dụng ngắn hạn ở tất cả các vị trí	đồng/m <sup>2</sup> /ngày	2.000 - 3.000
		đồng/m <sup>2</sup> /tháng	40.000 - 45.000
	- Vị trí số 01	đồng/m <sup>2</sup> /năm	75.000 - 80.000
	- Vị trí số 02	đồng/m <sup>2</sup> /năm	55.000 - 60.000
	- Chế biến hải sản trực tiếp xuất khẩu	đồng/m <sup>2</sup> /năm	9.000 - 10.000
	- Kho lạnh, chế biến hải sản	đồng/m <sup>2</sup> /năm	19.000 - 20.000
	- Đóng sửa tàu thuyền	đồng/m <sup>2</sup> /năm	9.000 - 10.000

### 3. Đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu và mức thu nêu trên

#### 3.1. Về mức thu đối với tàu thuyền và phương tiện vận tải

Mức thu phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, các đối tượng nộp phí theo quy định này đều chấp hành và không có ý kiến gì ngoài ý kiến của Công ty TNHH Ngọc Trang Seafood. Cụ thể:

- Không thu đối với hàng hoá là nguyên liệu đầu vào phục vụ chế biến hàng hải sản của các doanh nghiệp thuê đất trong cảng cá **kể cả phương tiện vận tải chuyên chở** hoặc tính toán cộng thêm vào giá thuê cơ sở hạ tầng để thu 01 lần hàng năm.

(Hiện nay đang áp dụng Đối tượng được miễn giá dịch vụ:

+ Hàng hoá: Máy móc, trang thiết bị và vật liệu xây dựng phục vụ cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cảng cá; nguyên liệu đầu vào (các loại nguyên liệu hải sản, các loại vật liệu khác có liên quan như: muối, thùng chứa, bao bì đóng gói sản phẩm...) phục vụ chế biến hàng hải sản của các tổ chức, cá nhân thuê cơ sở hạ tầng trong cảng cá.

+ Phương tiện vận tải ra vào cảng chuyên chở máy móc, trang thiết bị và vật liệu để xây dựng mới, nâng cấp cơ sở sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân thuê cơ sở hạ tầng trong cảng cá (*không quy định đối tượng Phương tiện vận tải ra vào cảng chuyên chở nguyên liệu đầu vào phục vụ chế biến hàng hải sản của các doanh nghiệp thuê cơ sở hạ tầng trong cảng cá*).

#### 3.2. Về thu tiền thuê cơ sở hạ tầng

Khi xây dựng khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017, theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại văn bản số 3453/UBND-KTN ngày 25/8/2016, các sở ngành tư vấn đã thống nhất tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân đang thuê cơ sở hạ tầng với diện tích lớn tại các cảng cá bằng cách điều chỉnh một số chi phí cấu thành giá để giảm được giá thuê cơ sở hạ tầng. Cụ thể:

+ Chi phí quản lý: tính cho 86 lao động thực tế (thay vì 112 lao động như đã xây dựng tại đề án vị trí việc làm) gồm lương và chi hoạt động theo định mức.

+ Khấu hao cơ bản tài sản cố định: chỉ trích 60% trên mức khấu hao cơ bản tài sản cố định đã xây dựng để hình thành mức giá thuê cơ sở hạ tầng..

Do đó mức thu tiền thuê cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận giảm bình quân 24% - 25% so với trước đây (khi thực hiện Quyết định số 107/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định tạm thời giá cho thuê cơ sở hạ tầng để sản xuất kinh doanh, dịch vụ nghề cá tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận) nên các tổ chức cá nhân thuê cơ sở hạ tầng tại các cảng cá đều chấp hành và không có ý kiến gì.

### **3.3. Một số nội dung cần bổ sung cho phù hợp**

- Bổ sung đối tượng được miễn giá dịch vụ: Phương tiện vận tải chuyên chở nguyên liệu đầu vào phục vụ chế biến hàng hải sản của các tổ chức, cá nhân thuê cơ sở hạ tầng trong cảng cá

- Chi phí thu gom và vận chuyển rác thải chưa quy định giá dịch vụ.

- Bổ sung hình thức khoán (khi có nhu cầu) đối với phương tiện vận tải ra vào cảng và hàng hoá qua cảng cho các tổ chức cá nhân thuê cơ sở hạ tầng để xây dựng nhà máy chế biến hải sản và dịch vụ hậu cần (nước đá, xăng dầu...)

- Dự án CRSD đầu tư xây dựng thêm các cơ sở hạ tầng tại các cảng cá đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho đơn vị quản lý khai thác như mái che cầu cảng, nhà phân loại sản phẩm sau khai thác, nhà vá lưới, sửa chữa ngư lưới cụ ..... nhưng chưa đưa giá trị tài sản vào để tính toán xác định giá dịch vụ.

## **PHẦN II: NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN GIÁ DỊCH VỤ CẢNG CÁ**

### **I. Mục tiêu phương án**

Mục tiêu xây dựng Quyết định mới thay thế Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận:

- Phù hợp với căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể: Luật Thủy sản 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5. Cụ thể: Lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: "Đến hết năm 2021, cơ bản hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định, chi phí khác theo quy định của pháp luật về giá)..."

- Bổ sung một số đối tượng thu và hình thức thu phù hợp với tình hình thực tế phát sinh.

## **II. Nội dung**

**1. Phạm vi áp dụng:** Phạm vi áp dụng của Phương án này là các cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi chung là Cảng cá).

**2. Đối tượng sử dụng dịch vụ:** Đối tượng sử dụng dịch vụ là các tổ chức, cá nhân sử dụng các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

**3. Đơn vị cung ứng dịch vụ:** Ban quản lý Khai thác các cảng cá

### **4. Cơ sở xác định giá**

#### **4.1. Nguyên tắc xác định giá**

- Bảo đảm nguyên tắc xây dựng mức thu theo quy định Luật Giá ngày 20/6/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật giá.

- Bảo đảm nguyên tắc tính đủ để đảm bảo mọi hoạt động của đơn vị, cũng như chi phí liên quan phát sinh trong quản lý, vận hành cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ (loại hình hiện nay của đơn vị là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên )

#### **4.2. Cơ sở xác định giá**

- Theo quy mô, tính chất hoạt động kinh doanh, dịch vụ đối với từng ngành hàng, khối lượng, chất lượng dịch vụ thực tế cho từng đối tượng;

- Bảo đảm cho đơn vị thu cân đối được thu – chi, duy trì hoạt động;

- Mức thu hiện đang áp dụng được quy định tại văn bản:

+ Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

+ Quyết định số 75/QĐ-BQL ngày 07/11/2017 của Ban Quản lý Khai thác các cảng cá về việc Quy định mức giá dịch vụ sử dụng cảng cá tại các cảng cá Đông Hải, Cà Ná, Ninh Chữ và Mỹ Tân.

#### **4.3. Mức giá dịch vụ sử dụng cảng cá:**

Giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh bao gồm các đối tượng thu:

- Đối với Tàu cá, phương tiện vận tải

- Đối với hàng hoá qua cảng

- Sử dụng mặt nước để sản xuất kinh doanh

- Thuê cơ sở hạ tầng

Trong đó:

a) Giá dịch vụ sử dụng cảng cá Đối với tàu cá, phương tiện vận tải và Đối với hàng hoá qua cảng trước đây được chuyển từ phí sang giá theo văn bản số 13374/BTC-QLG ngày 23/9/2016 của Bộ Tài chính về việc triển khai Luật phí và

lệ phí đối với giá dịch vụ chuyển từ phí sang cơ chế giá thị trường mà Nhà nước không định giá.

- Đối tượng thu và mức giá này là phù hợp đối với các cảng cá trên địa bàn tỉnh, ngoài ra tất cả các cảng cá trên toàn quốc đều áp dụng giá dịch vụ sử dụng cảng cá đối với tàu cá, phương tiện vận tải và đối với hàng hoá qua cảng tương tự như Ninh Thuận. Tuy nhiên các tỉnh bạn không miễn giá dịch vụ đối với Phương tiện vận tải và hàng hoá được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quyết định 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

Do đó để tạo điều kiện cho các các tổ chức, cá nhân thuê cơ sở hạ tầng trong cảng cá, ngoài các đối tượng được miễn giá dịch vụ (quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quyết định 116/2017/QĐ-UBND) đề xuất:

- Bổ sung đối tượng được miễn giá dịch vụ: *Phương tiện vận tải ra vào cảng chuyên chở nguyên liệu đầu vào phục vụ chế biến hàng hải sản của các doanh nghiệp thuê cơ sở hạ tầng trong cảng cá.*

- Bổ sung hình thức khoán Đối với phương tiện vận tải ra vào cảng thường xuyên. Cụ thể:

Đối với tổ chức, cá nhân thuê cơ sở hạ tầng để kinh doanh sản xuất trong cảng nếu có nhu cầu nộp tiền dịch vụ sử dụng cảng cá đối với phương tiện vận tải và hàng hóa qua cảng hàng tháng thì thỏa thuận và ký hợp đồng sử dụng dịch vụ cảng cá theo hình thức khoán tháng với Ban quản lý khai thác các cảng cá. Căn cứ xác định lượng hàng hoá qua cảng làm cơ sở tính số tiền dịch vụ sử dụng cảng cá phải nộp hàng tháng là căn cứ vào trọng tải và số lượt phương tiện vận tải vận chuyên hàng hóa trên xe qua cảng do tổ chức cá nhân và Ban quản lý Khai thác các cảng cá thỏa thuận nhưng không thấp hơn 15 lượt/xه/tháng. Thời gian thực hiện hợp đồng do hai bên thống nhất lựa chọn.

- Riêng đối tượng thu là Tàu đánh cá cập cảng: phân loại theo mét chiều dài thay thế cho công suất (CV). Lý do căn cứ Luật Thủy sản 2017 và Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 thì đối tượng tàu cá cập cảng được tính theo mét dài, không còn tính theo công suất.

**b)** Đối tượng thu Sử dụng mặt nước để sản xuất kinh doanh: tất cả đều chấp hành thực hiện theo mức giá quy định và không có ý kiến gì, do đó giữ nguyên.

**c)** Đối tượng thu Thuê cơ sở hạ tầng

Hiện nay tất cả đều chấp hành thực hiện theo mức giá quy định và không có ý kiến gì. Tuy nhiên khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND thì mức giá dịch vụ sử dụng cảng cá theo lộ trình chỉ tính 01 phần chi phí cấu thành giá (quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 /02/2015)

Nay quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015). Cụ thể tại điểm a khoản 3 Điều 5. Lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: "Đến hết năm 2021, cơ bản hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ chi phí tiền lương, chi phí



trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định, chi phí khác theo quy định của pháp luật về giá)...". Do đó Giá dịch vụ sử dụng cảng cá phải được xác định lại với đầy đủ các chi phí cấu thành giá theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công.

Ngoài ra còn bổ sung thêm giá trị tài sản hình thành từ các Dự án CRSD đầu tư xây dựng thêm các cơ sở hạ tầng tại các cảng cá đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho đơn vị quản lý khai thác như mái che cầu cảng, nhà phân loại sản phẩm sau khai thác, nhà vớt lưới, sửa chữa ngư lưới cụ .....nhưng chưa đưa giá trị tài sản vào để tính toán xác định giá dịch vụ sử dụng cảng cá.

- Chi phí quản lý: tính cho 83 lao động (theo Đề án số 04/2021/ĐA-SNNPTNT ngày 20/8/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tổ chức lại của Ban quản lý khai thác các cảng cá trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) gồm lương và chi hoạt động theo định mức 14 triệu đồng/người/ năm.

- Khấu hao tài sản cố định: Áp dụng Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thủy lợi, theo đó quy định thời gian sử dụng và tỷ lệ khấu hao đối với cảng thủy nội địa là 25 năm (4%/ năm) là phù hợp so với Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, theo đó trong danh mục tài sản không quy định thời gian sử dụng và tỷ lệ khấu hao đối với cảng cá mà chỉ quy định đối với tài sản là vật kiến trúc khác là 10 năm (10%) là quá ngắn không phù hợp với thực tế.

- Chi phí bảo trì định kỳ hàng năm: Áp dụng Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng, theo đó loại công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là định mức 0,16% - 0,32% ( chọn 0,32%)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp 5% và thuế giá trị gia tăng 5% chưa tính vào cơ cấu xây dựng giá dịch vụ. Sau khi phương án điều chỉnh bổ sung khung giá sử dụng dịch vụ các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đơn vị đăng ký và đề nghị Cục Thuế hướng dẫn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp khấu trừ và các loại thuế khác theo quy định.

- **Đề xuất:** Xây dựng 02 phương án giá thuê cơ sở hạ tầng để xem xét:

+ **Phương án 1:** giá thuê cơ sở hạ tầng tính đủ chi phí (khấu hao TSCĐ đủ)

Giá dịch vụ sử dụng cảng cá được xác định đầy đủ các chi phí cấu thành giá theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: "Đến hết năm 2021, cơ bản hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định, chi phí khác theo quy định của pháp luật về giá)..."

+ **Phương án 2:** giá thuê cơ sở hạ tầng tính đủ chi phí (khấu hao TSCĐ 60%)

Lý do: - Mức khấu hao tài sản cố định chỉ tính 60% tương tự như khi tính chi phí cấu thành giá thuê cơ sở hạ tầng tại Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND theo ý kiến của các sở ngành tư vấn *chỉ trích 60% trên mức khấu hao cơ bản tài sản cố định* để có mức giá tăng phù hợp với tình hình thực tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi hoạt động kinh doanh tại cảng cá của các tổ chức cá nhân.

- Mục đích đầu tư các cảng cá ngoài việc phục vụ cho tàu thuyền khi thác hải sản trong và ngoài tỉnh còn có mục đích phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai bão lụt, cứu nạn cứu hộ và an ninh quốc phòng khi cần thiết.

- Ngoài ra thực tế các cảng cá hoạt động theo mùa vụ nên hàng năm chỉ hoạt động từ 05 đến 06 tháng khi tàu cá có đánh bắt khai thác hải sản. Do đó đề xuất xem xét tính 60% mức khấu hao tài sản cố định để khung giá không tăng quá cao và phù hợp với tình hình hoạt động theo vụ mùa của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cảng cá đồng thời việc triển khai có khả năng dễ được các tổ chức cá nhân chấp nhận hơn so với phương án 1

+ **Đề xuất khác:** Giá thuê cơ sở hạ tầng tại Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND được tính bình quân với tất cả các cảng, nay đề nghị vẫn tiếp tục tính bình quân cho các cảng. Lý do: tính riêng cho từng cảng sẽ có sự chênh lệch giá quá cao giữa các cảng vì suất đầu tư mỗi cảng chênh lệch quá cao so diện tích.

## 5. Sau khi tính toán xác định đầy đủ các chi phí, khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá như sau

**5.1.** Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá **đề nghị không thay đổi** đối với các đối tượng thu gồm:

- Tàu cá, phương tiện vận tải; đối với hàng hoá qua cảng; sử dụng mặt nước để sản xuất kinh doanh

- Riêng đối với tàu cá đánh cá cập cảng tính theo mét dài (thay thế CV).

Stt	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Khung giá
<b>I</b>	<b>Tàu cá, phương tiện vận tải</b>		
<b>1</b>	<b>Đối với tàu cá đánh cá cập cảng</b>		
	- Chiều dài dưới 12m		8.000 - 10.000
	- Chiều dài từ 12m đến dưới 15m		18.000 - 20.000
	- Chiều dài từ 15m đến dưới 20m		35.000 - 40.000
	- Chiều dài từ 20m đến dưới 24m		55.000 - 60.000
	- Chiều dài từ 24m trở lên		90.000 - 100.000
<b>2</b>	<b>Đối với tàu thuyền vận tải cập cảng</b>	đồng/lần vào ra cảng	
	- Trọng tải dưới 5 tấn		18.000 - 20.000
	- Trọng tải từ 5 đến 10 tấn		35.000 - 40.000
	- Trọng tải trên 10 đến 100 tấn		90.000 - 100.000
	- Trọng tải trên 100 tấn		145.000 - 160.000
<b>3</b>	<b>Đối với phương tiện vận tải</b>		
	- Xe máy, xích lô, ba gác chở hàng:		1.800 - 2.000

	- Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn (kể cả xe khách dưới 15 chỗ ngồi):		8.000 - 10.000
	- Phương tiện có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn (kể cả xe khách trên 15 chỗ ngồi):		18.000 - 20.000
	- Phương tiện có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn		25.000 - 30.000
	- Phương tiện có trọng tải trên 5 đến 10 tấn		35.000 - 40.000
	- Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn		45.000 - 50.000
<b>II</b>	<b>Đối với hàng hoá qua cảng</b>		
	- Hàng thuỷ sản, động vật tươi sống	đồng/tấn	18.000 - 20.000
	- Hàng hoá là Container (không chứa hàng)	đồng/container	65.000 - 70.000
	- Các loại hàng hoá khác	đồng/tấn	7.000 - 8.000
<b>III</b>	<b>Sử dụng mặt nước để sản xuất kinh doanh</b>	đồng/m <sup>2</sup> /ngày	1.000 - 1.500
		đồng/m <sup>2</sup> /tháng	10.000 - 12.000
		đồng/m <sup>2</sup> /năm	35.000 - 37.000

## 5.2. Xây dựng giá thuê cơ sở hạ tầng theo 02 phương án để xem xét:

- Phương án 1: giá thuê cơ sở hạ tầng tính đủ chi phí (khấu hao TSCĐ đủ)
- Phương án 2: giá thuê cơ sở hạ tầng tính đủ chi phí (khấu hao TSCĐ 60%)

### a) Phương án 1:

#### Giá thuê cơ sở hạ tầng tính đủ chi phí (khấu hao TSCĐ đủ)

#### a.1) Mức giá tiền thuê cơ sở hạ tầng từng cảng

- Cảng cá Đông Hải: 121.724 đồng/m<sup>2</sup>/năm
- Cảng cá Cà Ná : 163.196 đồng/m<sup>2</sup>/năm
- Cảng cá Cà Ná MR: 24.741 đồng/m<sup>2</sup>/năm
- Cảng Ninh Chữ : 110.587 đồng/m<sup>2</sup>/năm

#### a.2) So sánh giá dịch vụ sử dụng cảng cá theo phương án tính đủ chi phí với mức giá tính theo QĐ 116/2017 - cho riêng từng cảng

Theo cách tính trên, xác định mức giá thuê cơ sở hạ tầng bình quân như sau:

- Cảng cá Đông Hải: 121.724 đ/m<sup>2</sup>/năm tăng 46% so mức cũ 83.474 đ/m<sup>2</sup>/năm
- Cảng cá Cà Ná: 163.196 đ/m<sup>2</sup>/năm tăng 257% so mức cũ 45.711 đ/m<sup>2</sup>/năm
- Cảng cá Cà Ná MR: 24.741 đ/m<sup>2</sup>/năm giảm 16% so mức cũ 29.443 đ/m<sup>2</sup>/năm
- Cảng Ninh Chữ : 110.587 đ/m<sup>2</sup>/năm tăng 165% so mức cũ 41.683 đ/m<sup>2</sup>/năm

#### a.3) Mức tiền thuê cơ sở hạ tầng các cảng cá tính chung bình quân cho tất cả các cảng là: 46.651 đồng/m<sup>2</sup>/năm

So với mức giá thuê cơ sở hạ tầng bình quân các cảng (sau khi tính đủ chi phí) với mức giá đang thực hiện tại Quyết định 116/2017/QĐ-UBND:

$$46.651 \text{ đồng} / 33.650 \text{ đồng/m}^2/\text{năm} = \text{tăng thêm } 39\%$$

**a.4) Bảng so sánh giá dịch vụ sử dụng cảng cá theo Quyết định 116/2017/QĐ-UBND với Phương án tính đủ chi phí cho riêng từng cảng và bình quân các cảng**

	Tên các cảng	Mức giá thuê CSHT đang thực hiện (đồng/m <sup>2</sup> )	Mức giá thuê CSHT sau khi tính đủ chi phí (đồng/m <sup>2</sup> )	Chênh lệch Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ % Tăng (+) Giảm (-)
<b>1</b>	<b>Chi tiết từng cảng</b>				
	Đông Hải	83.474	121.724	+38.250	+ 46 %
	Cà Ná	45.711	163.196	+117.485	+257 %
	Cà Ná mở rộng	29.443	24.741	- 4.703	-16 %
	Ninh Chũ	41.683	110.587	+68.904	+165 %
<b>2</b>	<b>Bình quân các cảng</b>	<b>33.650</b>	<b>46.651</b>	<b>+13.001</b>	<b>+39 %</b>

(kèm theo các bảng tính liên quan của phương án 1 )

**a.5) Qua tính toán như các phần trên xét thấy:**

- **Nhược điểm:** Các cảng cá được đầu tư và đưa vào sử dụng qua từng thời gian khác nhau (Cảng cá Đông Hải: 1996; Cảng cá Cà Ná (cũ): 2000; Cảng cá Ninh Chũ: 2003; Cảng cá Cà Ná mở rộng: 2008), mỗi cảng có diện tích và giá trị công trình chênh lệch cao. Do đó việc tính tiền thuê cơ sở hạ tầng riêng cho từng cảng sẽ có sự chênh lệch giữa các cảng quá cao. Cụ thể: **Cảng cá Đông Hải tăng thêm 46%** (121.724 đồng/ 83.474 đồng); **Cảng cá Cà Ná cũ tăng thêm 257%** (163.196 đồng/45.711 đồng); **Cảng cá Ninh Chũ tăng thêm 165%** (110.587 đồng/41.683 đồng); **Cảng cá Cà Ná mở rộng lại giảm đi 16%** (24.741 đồng/ 29.443 đồng). Lý do: suất đầu tư so với tổng diện tích từng cảng không cân đối, trong khi lợi thế về sản xuất kinh doanh lại các cảng lại chưa tương xứng với mức đầu tư và tỷ lệ mức giá tăng thêm.

- **Ưu điểm:**

+ Thực hiện đúng lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

+ Xác định giá thuê cơ sở hạ tầng cụ thể cho từng cảng cá với đầy đủ chi phí

- **Đề xuất:** Nếu tính tiền thuê cơ sở hạ tầng riêng từng cảng sẽ có mức giá chênh lệch giữa các cảng quá cao, do đó đề xuất tính bình quân tiền thuê cơ sở hạ tầng chung cho các cảng. Cụ thể so sánh với mức giá tiền thuê cơ sở hạ tầng tính bình quân chung cho các cảng đang áp dụng tăng thêm theo tỷ lệ tăng bình quân các cảng 39% là phù hợp. Tuy nhiên mức giá xây dựng bình quân các cảng so với mức giá cũ vẫn còn có sự chênh lệch tăng thêm quá cao.

**b) Phương án 2:**

**Giá thuê cơ sở hạ tầng tính đủ chi phí (khấu hao TSCĐ 60%)**

**b.1) Mức giá tiền thuê cơ sở hạ tầng từng cảng**

- Cảng cá Đông Hải: 115.471 đồng/m<sup>2</sup>/năm
- Cảng cá Cà Ná : 147.748 đồng/m<sup>2</sup>/năm
- Cảng cá Cà Ná MR: 19.809 đồng/m<sup>2</sup>/năm
- Cảng Ninh Chữ : 92.255 đồng/m<sup>2</sup>/năm

**b.2) So sánh giá dịch vụ sử dụng cảng cá theo phương án tính đủ chi phí (khấu hao TSCĐ 60%) với mức giá tính theo QĐ 116/2017-cho riêng từng cảng**

Theo cách tính trên, xác định mức giá thuê cơ sở hạ tầng bình quân như sau:

- Cảng cá Đông Hải: 115.471 đ/m<sup>2</sup>/năm tăng 38% so mức cũ 83.474 đ/m<sup>2</sup>/năm
- Cảng cá Cà Ná: 147.748 đ/m<sup>2</sup>/năm tăng 223% so mức cũ 45.711 đ/m<sup>2</sup>/năm
- Cảng cá Cà Ná MR: 19.809 đ/m<sup>2</sup>/năm giảm 33% so mức cũ 29.443 đ/m<sup>2</sup>/năm
- Cảng Ninh Chữ :92.255 đ/m<sup>2</sup>/năm tăng 121% so mức cũ 41.683 đ/m<sup>2</sup>/năm

**b.3) Mức tiền thuê cơ sở hạ tầng các cảng cá tính chung bình quân cho tất cả các cảng là: 39.742 đồng/m<sup>2</sup>/năm**

So với mức giá thuê cơ sở hạ tầng bình quân các cảng (sau khi tính đủ chi phí- Khấu hao TSCĐ 60%) với mức giá đang thực hiện tại Quyết định 116/2017/QĐ-UBND:

$$39.742 \text{ đồng} / 33.650 \text{ đồng/m}^2/\text{năm} = \text{tăng thêm } 18\%$$

**b.4) Bảng so sánh giá dịch vụ sử dụng cảng cá theo Quyết định 116/2017/QĐ-UBND với Phương án tính đủ chi phí (khấu hao TSCĐ 60%) cho riêng từng cảng và bình quân các cảng**

	Tên các cảng	Mức giá thuê CSHT đang thực hiện (đồng/m <sup>2</sup> )	Mức giá thuê CSHT sau khi tính đủ chi phí (đồng/m <sup>2</sup> )	Chênh lệch Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ % Tăng (+) Giảm (-)
<b>1</b>	<b>Chi tiết từng cảng</b>				
	Đông Hải	83.474	115.471	+31.997	+ 38 %
	Cà Ná	45.711	147.748	+102.038	+ 223 %
	Cà Ná mở rộng	29.443	19.809	- 9.634	- 33 %
	Ninh Chữ	41.683	92.255	+50.572	+ 121 %
<b>2</b>	<b>Bình quân các cảng</b>	<b>33.650</b>	<b>39.742</b>	<b>+6.092</b>	<b>+ 18 %</b>

(kèm theo các bảng tính liên quan của phương án 2 )

### **b.5) Qua tính toán như các phần trên xét thấy:**

- **Nhược điểm:** Ngoài nhược điểm như phương án 1 còn có thêm nhược điểm là mặc dù tính đủ chi phí nhưng riêng khấu hao TSCĐ: chỉ trích 60% trên mức khấu hao cơ bản tài sản cố định theo quy định.

#### **- Ưu điểm:**

+ Thực hiện đúng lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

+ Mức trích 60% trên mức khấu hao TSCĐ tương tự như cách tính chi phí cấu thành giá thuê cơ sở hạ tầng tại Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND theo thống nhất của các sở ngành tư vấn *chỉ trích 60% trên mức khấu hao cơ bản tài sản cố định* để có mức giá phù hợp với tình hình thực tế và tạo điều kiện thuận lợi hoạt động kinh doanh tại cảng cá của các tổ chức cá nhân.

+ Phù hợp với thực tế hoạt động tại các cảng cá của các tổ chức, cá nhân theo mùa vụ hàng năm từ 05 đến 06 tháng khi tàu cá có đánh bắt khai thác hải sản, do đó tính 60% mức khấu hao tài sản cố định để khung giá không tăng quá cao.

- **Đề xuất:** Tương tự như phương án 01 nếu tính tiền thuê cơ sở hạ tầng riêng từng cảng sẽ có mức giá chênh lệch giữa các cảng quá cao, do đó đề xuất tính bình quân tiền thuê cơ sở hạ tầng chung cho các cảng. Cụ thể so sánh với mức giá tiền thuê cơ sở hạ tầng tính bình quân chung cho các cảng đang áp dụng tăng thêm theo tỷ lệ tăng bình quân các cảng 18% là hợp lý, việc triển khai tương đối phù hợp và các tổ chức cá nhân dễ chấp nhận hơn so với mức tăng 39% tại phương án 1

### **III. Giải pháp triển khai thực hiện**

**1. Công tác vận động tuyên truyền:** Tăng cường vận động tuyên truyền các tổ chức, cá nhân đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cảng cá nghiêm chỉnh chấp hành. Thực hiện nghiêm việc từ chối phục vụ đối với các trường hợp không chấp hành giá dịch vụ tại cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

**2. Quán triệt cho CBVC trong đơn vị:** Triển khai quán triệt cho cán bộ quản lý và CBCV tại các cảng cá, nhất là cán bộ quản lý tại các cảng cá, các phòng trực tiếp tham mưu về ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng dịch vụ tại cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

#### **3. Công tác phối hợp**

- Phối hợp với UBND các địa phương để hỗ trợ các cảng cá tuyên truyền vận động các tổ chức, cá nhân đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cảng cá chấp hành đúng quy định về giá dịch vụ sử dụng cảng cá.

- Phối hợp các lực lượng liên quan như Chính quyền địa phương, Công an, Biên phòng .... từ chối phục vụ đối các hộ kinh doanh sử dụng mặt bằng cố tình không chấp hành đúng quy định về tiền thuê cơ sở hạ tầng tại các cảng cá.

### **IV. Tổ chức thực hiện**

### **1. Đối với Ban quản lý Khai thác các cảng cá**

- Có trách nhiệm triển khai Phương án giá dịch vụ sử dụng cảng cá theo đúng quy định khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức tuyên truyền, thông báo công khai, kê khai giá để các tổ chức, cá nhân liên quan biết, thực hiện.

### **2. Đối với chính quyền địa phương**

UBND và hội nông ngư dân các địa phương hỗ trợ Ban quản lý Khai thác các cảng cá vận động tuyên truyền để thực hiện hiệu quả việc triển khai áp dụng giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh.

### **3. Đối với các tổ chức cá nhân cơ quan có liên quan**

- Chấp hành nghiêm túc giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh

- Phối hợp với Ban quản lý Khai thác các cảng cá trong việc áp dụng giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh .

## **V. Kết luận và kiến nghị**

**1. Kiến nghị:** Để mức giá tăng (sau khi tính đủ chi phí) không quá cao và mang tính khả thi khi triển khai thực hiện đối với các tổ chức cá nhân thuê cơ sở hạ tầng tại các cảng cá, đề nghị:

Do các cảng thời điểm đưa vào sử dụng khác, hiện nay đã xuống cấp nhưng lại có một số hạng mục công trình được bàn giao mới, do đó đề xuất xem xét 02 phương án để lựa chọn:

- **Phương án 1:** Mức giá thuê CSHT đang áp dụng tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh như hiện nay, cộng thêm số tiền tăng theo tỷ lệ tăng chung (tỷ lệ so sánh giữa tiền thuê cơ sở hạ tầng bình quân chung các cảng đã tính đủ chi phí với tiền thuê cơ sở hạ tầng bình quân chung các cảng đang thực hiện) theo hướng **tính đủ chi phí (khấu hao TSCĐ đủ)**.

- **Phương án 2:** Mức giá thuê CSHT đang áp dụng tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh như hiện nay, cộng thêm số tiền tăng theo tỷ lệ tăng chung (tỷ lệ so sánh giữa tiền thuê cơ sở hạ tầng bình quân chung các cảng đã tính đủ chi phí với tiền thuê cơ sở hạ tầng bình quân chung các cảng đang thực hiện) theo hướng **tính đủ chi phí (khấu hao TSCĐ 60%)** .

**Riêng về thuế:** Thuế thu nhập doanh nghiệp 5% và thuế giá trị gia tăng 5% chưa tính vào cơ cấu xây dựng giá dịch vụ. Sau khi phương án điều chỉnh bổ sung khung giá sử dụng dịch vụ cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đơn vị đăng ký và đề nghị Cục Thuế hướng dẫn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp khấu trừ và các loại thuế khác theo quy định.

**2. Kết luận:** Việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh

Thuận là hết sức cần thiết, đồng thời bảo đảm nguồn kinh phí đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên của Ban quản lý Khai thác các cảng cá. Vì vậy kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sớm phê duyệt Phương án điều chỉnh bổ sung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Trên đây là nội dung Phương án điều chỉnh bổ sung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Ban quản lý Khai thác các cảng cá Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để đơn vị có cơ sở triển khai thực hiện.

***Các tài liệu kèm theo kèm theo gồm:***

***- Các bảng tính toán theo Phương án 1: tính đủ chi phí (khấu hao tài sản cố định đủ)***

+ *Bảng tính toán xác định (Phương án tính đủ chi phí và khấu hao TSCĐ đủ) giá thuê cơ sở hạ tầng tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;*

+ *Bảng tổng hợp tình hình thuê cơ sở hạ tầng áp dụng theo Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và tỷ lệ tăng so mức giá theo Phương án tính đủ chi phí và khấu hao TSCĐ đủ;*

+ *Các Bảng so sánh khung giá thuê cơ sở hạ tầng tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (Phương án tính đủ chi phí và khấu hao TSCĐ đủ) với khung giá thuê cơ sở hạ tầng đang thực hiện theo quyết định số 116/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận - Cảng cá Đông Hải, Cảng cá Cà Ná cũ, Cảng cá Cà Ná mở rộng và Cảng Ninh Chữ;*

+ *Bảng so sánh khung giá thuê cơ sở hạ tầng tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (phương án tính đủ chi phí- khấu hao TSCĐ đủ) với khung giá thuê cơ sở hạ tầng đang thực hiện theo quyết định số 116/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận- Trường hợp tính bình quân các cảng;*

+ *Bảng Giá thuê cơ sở hạ tầng tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (phương án tính đủ chi phí và khấu hao TSCĐ đủ) - Tính bình quân cho các cảng;*

***- Các bảng tính toán theo Phương án 2: tính đủ chi phí (khấu hao tài sản cố định 60%)***

+ *Bảng tính toán xác định (Phương án tính đủ chi phí và khấu hao TSCĐ 60%) giá thuê cơ sở hạ tầng tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;*

+ *Bảng tổng hợp tình hình thuê cơ sở hạ tầng áp dụng theo Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và tỷ lệ tăng so mức giá theo Phương án tính đủ chi phí và khấu hao TSCĐ 60%;*

+ *Các Bảng so sánh khung giá thuê cơ sở hạ tầng tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (phương án tính đủ chi phí- khấu hao TSCĐ 60%) với khung giá thuê cơ sở hạ tầng đang thực hiện theo quyết định số 116/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận - Cảng cá Đông Hải, Cảng cá Cà Ná cũ, Cảng cá Cà Ná mở rộng và Cảng Ninh Chữ;*



+ Bảng so sánh khung giá thuê cơ sở hạ tầng tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (phương án tính đủ chi phí- khấu hao TSCĐ 60%) với khung giá thuê cơ sở hạ tầng đang thực hiện theo quyết định số 116/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận- Trường hợp tính bình quân các cảng;

+ Bảng Giá thuê cơ sở hạ tầng tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (phương án tính đủ chi phí và khấu hao TSCĐ 60%)-Tính bình quân cho các cảng;

- Bảng tổng hợp nội dung đề nghị điều chỉnh bổ sung Quyết định số 116/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

- Dự thảo Quyết định quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận kèm theo khung giá (tạm lấy khung giá từ phương án 1)

**Nơi nhận:**

- Sở NN và PTNT;
- PGĐ Sở (NK Lâm)
- Ban giám đốc;
- Lưu VT, KHTC.  
(H.H 04b)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Chí Khỏe**